

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày: 18-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 23/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Trương Ngọc A, tên gọi khác: Chó con, sinh năm 1993 tại Long An. ĐKTT: Ấp 3A, xã P, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thanh H và bà Trà Thị H; bản thân chưa có vợ; tiền án: Ngày 16/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 21/8/2015 chấp hành xong, chưa xóa án tích; nhân thân: Ngày 26/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hoà – Tổng cục VIII - Bộ Công an, có mặt.

2. Nguyễn Vũ T, tên gọi khác: T1, sinh năm 1971 tại Long An. ĐKTT: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành C (chết) và bà Nguyễn Thị H; bản thân có vợ tên Diệp Thị B, có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998, tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/5/2015 bị Công an xã Long Hòa, huyện Cần Đức xử phạt

750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20/01/2016, bị Công an xã Long Hòa, huyện Cần Đước xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 12/5/2017, bị Toà án nhân dân huyện Cần Đước áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy Long An; bị bắt, tạm giam từ ngày 05/4/2018 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Võ Hoàng Đ, sinh năm 1994

ĐKTT: Ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Diệp Thị B, sinh năm 1973

ĐKTT: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Diệp Vũ T, sinh năm 1998

ĐKTT: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 25/3/2017 anh Võ Hoàng Đ điều khiển xe mô tô biển số 67B1- 955.85 đến nhà trọ “DM” tại ấp 3A, xã P, huyện B để uống rượu cùng với anh Huỳnh Thanh H, Trương Ngọc A và bạn của anh H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày anh H nhờ A dẫn toàn bộ xe vào trong dãy nhà trọ để tiếp tục uống rượu. Sau đó A đi về nhà, trên đường đi thì gặp chị Phan Thị L nhờ chở dùm đến ngã tư R, huyện C do không có xe nên A đến nhà trọ “Diễm My” mượn xe mô tô của người bạn tên T (không rõ họ tên và địa chỉ) để chở chị L đến ngã tư R. Đến khoảng 23 giờ 30 phút A điều khiển xe trở về nhà trọ “Diễm My” để trả lại cho T và đi bộ ra về được khoảng 10m thì A nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 67B1-955.85 của anh Võ Hoàng Đ đang dựng tại hành lang trước dãy nhà trọ nhưng không có người trông coi. A nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài. A lén lút dẫn xe mô tô biển số 67B1-955.85 ra khỏi cổng nhà trọ, dẫn bộ về hướng cầu L được khoảng 100m thì dừng lại, dùng tay tháo dây điện của ổ khoá xe và chạy qua cầu L. Lúc này A điện thoại cho Nguyễn Vũ T nhờ T bán xe vừa trộm được thì T đồng ý và hướng dẫn A tìm chỗ nghỉ để sáng hôm sau T tìm người tiêu thụ xe. Sau đó A chạy đến nhà nghỉ trên địa bàn huyện B1 nhưng không xác định được địa điểm cụ thể để thuê phòng nghỉ và cất giấu xe. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26/3/2017 A nói cho T biết rõ là vừa mới lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 67B1-955.85 và nhờ T bán dùm, T kêu A đi về để xe lại, T ngủ lại phòng trọ đến sáng hôm sau mới về. Sau đó T tháo biển số xe và thay bằng biển số giả là 62X1-3056 rồi T điều khiển xe trên về cất giấu ở quán cà phê

“Diễm” của vợ T là chị Diệp Thị B tại ấp 4, xã L, huyện C và T không nói cho chị B biết xe này là do A trộm cắp mà có. Đến chiều ngày 26/3/2017 T có ý định mua chiếc xe này để cho con tên Nguyễn Diệp Vũ T sử dụng nên gọi điện thoại hẹn gặp A tại quán cà phê (không rõ địa chỉ) gần khu công nghiệp C, huyện C nói với A đã bán xe mô tô biển số 67B1-955.85 được 5.000.000đ và đưa trước cho A 1.000.000đ. Ngày 28/3/2017 Công an xã P, huyện B phối hợp với Công an xã L, huyện B tiến hành lập biên bản thu giữ xe tại quán cà phê D ở ấp 4, xã L, huyện C.

Tại biên bản định giá tài sản số 06/BB-TCKH ngày 03/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu xanh-bạc-đen, biển số 67B1- 955.85 trị giá 20.900.000đ.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKSBL ngày 29-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Trương Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, truy tố bị cáo Nguyễn Vũ T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức rút một phần cáo trạng truy tố bị cáo Trương Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A đã bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích mà phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Trương Ngọc A từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 28/2017/HS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An là 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Vũ T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại anh Võ Hoài Đông đã nhận lại xe mô tô biển số 67B1-955.85, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 67B1-955.85, thuộc sở hữu của anh Võ Hoàng Đ, hiện CQĐT đã trả lại cho anh Đ là phù hợp.

Riêng đối với Diệp Thị B và Nguyễn Diệp Vũ T là vợ và con của Nguyễn Vũ T không biết xe mô tô biển số 67B1-955.85 mà T đem về nhà là tài sản do Trương Ngọc A phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản

ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trương Ngọc A là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 25/3/2017, Trương Ngọc A đi đến nhà trọ “DM” ở ấp 3A, xã P, huyện B, A lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Võ Hoàng Đ đã lén lút lấy trộm của anh Đ 01 xe mô tô biển số 67B1-955.85 trị giá 20.900.000đ đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do ngày 16/9/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 21/8/2015 chấp hành xong chưa được xóa án tích đến ngày 25/3/2017 bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại xã P, huyện B chưa xét xử đến ngày 14/6/2017, bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại xã L, huyện C, tỉnh Long An và đã bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước đưa ra xét xử vào ngày 26/9/2017 do đó bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm mà thuộc trường hợp tái phạm nên trước phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút một phần cáo trạng và truy tố bị cáo A theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy việc rút một phần cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát không làm xấu đi tình trạng của bị cáo là đúng căn cứ pháp luật.

Sau khi lấy được xe A nói cho Nguyễn Vũ T biết xe này là do A vừa trộm cắp được và nhờ T đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý, do T có ý định mua xe của A vừa trộm được nên nói dối với A đã bán xe được 5.000.000đ và đưa trước cho A 1.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Vũ T biết rõ xe mô tô biển số 67B1-955.85 là tài sản do A phạm tội mà có vào ngày 25/3/2017, nhưng vẫn cố tình giữ lại để sử dụng nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Vũ T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do đó cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài và có tài sản sử dụng mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Hành vi của bị cáo A thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm xe mô tô của anh Đ là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật.

Hành vi tiêu thụ tài sản của Nguyễn Vũ T không chỉ trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà còn tạo điều kiện, khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo được thực hiện do lỗi cố ý. Động cơ mục đích phạm tội là tham lam, tư lợi.

[5] Các bị cáo cũng thừa biết việc trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác tiêu thụ mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, háms lợi nên các bị cáo bất chấp chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình hoang mang, lo sợ. Do đó, cần thiết xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thoả đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A đã bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích mà phạm tội mới do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo T mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Buộc bị cáo Trương Ngọc A phải chấp hành tiếp bản án số 28/2017/HS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian tù tính từ ngày 14-6-2017, bị cáo đang chấp hành án nên cần tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng” do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại anh Võ Hoài Đông đã nhận lại xe mô tô biển số 67B1-955.85, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

[10] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 67B1-955.85, thuộc sở hữu của anh Võ Hoàng Đ, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ là phù hợp.

Riêng đối với Diệp Thị B và Nguyễn Diệp Vũ T là vợ và con của Nguyễn Vũ T không biết xe mô tô biển số 67B1-955.85 mà T đem về nhà là tài sản do Trương Ngọc A phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

[11] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Trương Ngọc A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Buộc bị cáo Trương Ngọc A phải chấp hành hình phạt của bản án số 28/2017/HS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An là 01 (một) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999:

Buộc bị cáo Trương Ngọc A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 14-6-2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Vũ T 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 05-4-2018.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Vũ T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 18-4-2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trương Ngọc A, Nguyễn Vũ T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành